

MARKET INSIGHTS REPORTS

31.07.2024

**BÁN XOAY VÒNG GIẢM BÙ Ở NHÓM VỐN
HÓA VỪA VÀ NHỎ - NHÓM NGÂN HÀNG
NÂNG ĐỒ CHỈ SỐ**



NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thị trường sẽ xác nhận xu hướng vào thứ 2 hoặc thứ 3 tuần sau ?

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

GS dự báo GDP Q3/2024 tại Mỹ dự báo tăng trưởng 2.4%

Dự báo CPI lõi Mỹ sẽ giảm về mức 2.8% vào cuối năm 2024

10 TTCK MỸ

Dự báo các chỉ số chính sách sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	498
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	206
Số cổ phiếu giảm giá	224
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	222
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	81
Số cổ phiếu giảm giá	83
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	58

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	359
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	134
Số cổ phiếu giảm giá	134
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	91

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	48,774.21	79,383.54	(30,609.34)
% KL toàn thị trường	6.51%	10.60%	
Giá trị	1,980,130	2,654,137	(674,007)
% GT toàn thị trường	11.27%	15.11%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,170.30	2,001.20	(830.90)
% KL toàn thị trường	6.51%	10.60%	
Giá trị	40,353	68,086	(27,733)
% GT toàn thị trường	3.73%	6.30%	

UPCOM

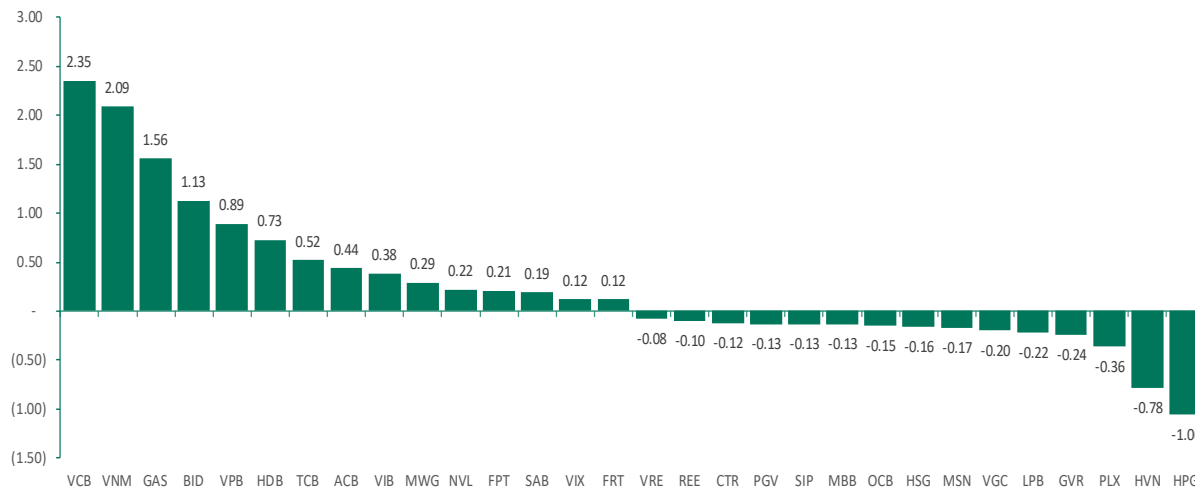
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	713.23	339.47	373.76
% KL toàn thị trường	1.53%	0.73%	
Giá trị	35,193	31,797	3,396
% GT toàn thị trường	3.60%	3.25%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,863,400	89,200	1,700 (1.94%)	14.43	2.87	6,180	498,547
2	BID	3,161,200	47,600	800 (1.71%)	11.27	2.01	4,223	271,341
3	FPT	2,869,200	128,600	600 (0.47%)	22.89	5.73	5,618	187,814
4	GAS	3,188,600	79,900	2,700 (3.5%)	15.58	2.70	5,127	183,510
5	HPG	24,285,900	27,200	-700 (-2.51%)	16.99	1.50	1,601	173,978
6	CTG	6,542,400	32,000	0 (0%)	7.89	1.32	4,056	171,840
7	TCB	11,002,900	23,250	300 (1.31%)	3.81	0.59	6,098	163,797
8	VIC	2,598,500	42,300	100 (0.24%)	44.29	1.00	955	161,741
9	VHM	3,718,200	36,700	0 (0%)	6.87	0.77	5,341	159,805
10	VPB	35,033,400	19,000	450 (2.43%)	12.41	1.05	1,531	150,745

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.14%	+34.96%	1,596
▼ Tài chính	+1.07%	+15.61%	102
▶ Tổ chức tín dụng	+1.21%	+17.19%	29
▶ Dịch vụ tài chính	-0.01%	+3.99%	60
▶ Bảo hiểm	+0.92%	+15.02%	13
▼ Bất động sản	-0.08%	-2.86%	142
▶ Phát triển và quản lý bất động sản	-0.08%	-2.86%	142
▼ Công nghiệp	-1.11%	+66.73%	391
▶ Vận tải	-1.70%	+94.94%	134
▶ Tư liệu sản xuất	-0.31%	+10.04%	214
▶ Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+2.93%	+139.91%	43
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+1.36%	+28.62%	162
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.37%	+28.46%	155
▶ Đồ gia dụng và cá nhân	-0.21%	+52.44%	6
▶ Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	-8.70%	+248.14%	1
▶ Nguyên vật liệu	-1.35%	+19.30%	257
▶ Dịch vụ tiện ích	+0.91%	+11.49%	147
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.05%	+34.72%	262
▶ Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.12%	+41.17%	127
▶ Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.19%	+27.93%	90
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.48%	-14.91%	33
▶ Xe và linh kiện	+0.27%	+0.81%	12
▼ Dịch vụ viễn thông	-4.41%	+260.36%	49
▶ Dịch vụ viễn thông	-4.42%	+317.05%	22
▶ Truyền thông và giải trí	-4.37%	-8.95%	27
▼ Công nghệ thông tin	+0.40%	+52.83%	14
▶ Phần mềm và dịch vụ	+0.40%	+53.06%	7
▶ Công nghệ phần cứng và thiết bị	+0.30%	+20.37%	5
▶ Chất bán dẫn và thiết bị bán dẫn	0%	-7.79%	2
▶ Năng lượng	+3.18%	+32.35%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.39%	+26.10%	49
▶ Dược phẩm, Công nghệ sinh học và Khoa học thường thức	-0.35%	+27.03%	44
▶ Dịch vụ và thiết bị chăm sóc sức khỏe	-0.87%	+13.56%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng tăng 6.45 điểm (+ 0.52%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Năng lượng, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, tổ chức tín dụng, bảo hiểm, tiện ích, phần mềm, phần cứng... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như BSR, PVD, PVC, VEF, TV2, MCH, VNM, SAB, VHC, MPC, MCM, VCB, BID, TCB, VPB, HDB, EVF, BVH, PVI, VNR, GAS, POW, BWE, FPT, SMT, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương ẩn giữa giá và RSI(14) cảnh báo sự đảo chiều tăng giá – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 24.4;
- ✓ BSR đã xóa khoản nợ quá hạn 1.127 tỷ của BSR BF sau khi làm thủ tục phá sản cho doanh nghiệp này và chuyển thành khoản đầu tư góp vốn khác và dự phòng khoản đầu tư này. Về cơ bản BSR có thể sẽ được chuyển sản và thủ tục có thể hoàn tất vào cuối năm 2024 đầu năm 2025;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(ii) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đã thoát khung sideway 65 – 70 vận động trong giai đoạn vừa qua;
- ✓ Khối ngoại mua ròng lớn là tác nhân đẩy giá cổ phiếu VNM;
- ✓ VNM đã phục hồi mạnh với hai quý liên tiếp duy trì mức tăng trưởng so với cùng kỳ ở mức 20% (Tất nhiên, về cơ bản mức lợi nhuận này cũng chỉ phục hồi về giai đoạn đi ngang trước đây và cũng chưa thực sự bắt phá). Chúng ta cần quan sát thêm sự phục hồi của thị trường xuất hiện và biên lãi gộp các quý tiếp theo để thấy khả năng tăng trưởng 2 con số như hiện tại là sự thay đổi hay chỉ đơn giản là sự phục hồi từ nền thấp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(iii) VCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu cần vượt kháng cự 90 để xác nhận xu hướng tăng giá;
- ✓ VCB đang hoàn tất các thủ tục trình bán vốn theo hình thức phát hành riêng lẻ. Giá phát hành dự kiến khoảng 100;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iv) HDB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 28 – 33;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(2) Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm, viễn thông, truyền thông giải trí, vận tải, nguyên vật liệu, chăm sóc sức khỏe... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như HVA, VGI, FOX, CTR, VNZ, ACV, MVN, HVN, PVT, VTP, VOS, VTO, HPG, GVR, DGC, VGC, DCM, MSR, HSG, PTB, CSV, KSB, NKG, DPR, GDA, TNH ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VTP giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ 6T/2024, VTP lãi ròng khoảng 150 tỷ đồng tăng trưởng âm so với cùng kỳ. Về cơ bản chúng tôi cho rằng VTP đang là cổ phiếu được định giá quá cao;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) DGC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 4 đối kháng với kháng cự 123;
- ✓ Sóng 5 nếu hình thành có giá mục tiêu 93;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) HSG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu quanh vùng 20 – 21;
- ✓ EC điều tra ngành thép bán phá giá nhưng là điều tra HPG và Fomasa và đây là thông tin gây hiểu nhầm khiến nhà đầu tư bán tháo toàn bộ cổ phiếu thép;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ là MA(200) tương ứng với vùng giá 26;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và quay trở lại trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu tích cực;

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 677 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, MWG, FPT, VPB, HDB, PC1, VCB, FRT, BID, GMD... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, HSG, CTG, TCB, HVN, HBC, HPG, PDR, SSI, STB ... Chuỗi bán ròng của khối ngoại vẫn chưa có dấu hiệu ngừng dù trong nửa tháng gần đây chúng ta thỉnh thoảng đã có phiên mua ròng trở lại. Thành thực rất khó ước đoán chuỗi bán ròng của khối ngoại bao giờ kết thúc nhưng chúng ta có thể thấy quy mô giao dịch của khối ngoại đang có xu hướng giảm dần sau đợt bán mạnh trong 2 tháng qua.

(ii) Với phiên tăng điểm hôm nay, VN-Index đã xóa gần hết cây nến giảm điểm ngày 23/07/2024. Xét về giao dịch chúng ta có 6 phiên chỉ số đang nỗ lực phục hồi. Với 6 phiên chưa xuất hiện cây nến giảm điểm xóa sạch nỗ lực phục hồi thì đó cũng là tín hiệu tốt về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, cũng với 6 phiên giá chưa thể vượt lên trên mốc cao của cây nến giảm điểm ngày 23/07/2024 thì cũng không phải là tín hiệu tăng giá quá mạnh. Việc thanh khoản tăng trở lại là tín hiệu tốt nhưng nếu nhìn tổng thể hôm nay chúng ta có sắc đỏ nhiều hơn và phần lớn việc tăng điểm nhờ sự kéo giá của nhóm VN30 trong khi tâm trạng nhà đầu tư phần lớn ở trạng thái bị quan do nhóm vốn hóa vừa và nhỏ có xu hướng điều chỉnh mạnh.

(iii) RSI(14) thiết lập mốc cao mới cũng là tín hiệu tích cực cho thấy sự đồng thuận kéo giá.

(iv) Nhóm ngân hàng bất đặc biệt là VCB có mức giá đóng cửa cao nhất ngày và chạm kháng cự trung hạn 90 là tín hiệu tốt. Sự bứt phá của VNM sau khi biên lãi gộp và lãi ròng đang có xu hướng tăng trưởng trở lại cũng là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, chúng tôi thấy sự giảm giá bù của nhóm ngành thép tạo vòng xoay tiêu cực. Có lẽ việc xoay tua giảm giá theo dòng đang diễn ra và có thể thị trường cần thêm thời gian để tạo đáy. Mặc dù không nhất thiết chỉ số đi xuống nhưng việc giảm giá theo ngành thường khiến danh mục nhà đầu tư ở trạng thái tiêu cực.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 20 mã cho tín hiệu đi ngang. BCM, BID, VNM...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 40.9% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,230 điểm và kháng cự là 1,270 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu MWG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	520.54	520.84	520.24	YES	523.04	526.14	528.64	531.74	517.44	514.94	511.84	509.34
HNXINDEX	237.58	237.61	237.55	YES	238.4	239.28	240.1	240.98	236.7	235.88	235	234.18
UPINDEX	95.43	95.41	95.44	YES	95.74	96.03	96.34	96.63	95.14	94.83	94.54	94.23
VN30	1287.1	1287.79	1286.41	YES	1290.89	1296.05	1299.84	1305	1281.94	1278.15	1272.99	1269.2
VNINDEX	1246.45	1246.38	1246.53	YES	1249.83	1253.05	1256.43	1259.65	1243.23	1239.85	1236.63	1233.25
VNXALL	2061.02	2061.44	2060.59	YES	2068.07	2075.97	2083.02	2090.92	2053.12	2046.07	2038.17	2031.12
VN30F1M	1290.13	1291.3	1288.97	YES	1292.47	1297.13	1299.47	1304.13	1285.47	1283.13	1278.47	1276.13
VN30F1Q	1291.67	1292.5	1290.83	YES	1293.33	1296.67	1298.33	1301.67	1288.33	1286.67	1283.33	1281.67
VN30F2M	1291.97	1292.85	1291.08	YES	1293.93	1297.67	1299.63	1303.37	1288.23	1286.27	1282.53	1280.57
VN30F2Q	1292.43	1293.55	1291.32	YES	1294.67	1299.13	1301.37	1305.83	1287.97	1285.73	1281.27	1279.03
BCM	72.83	72.6	73.07	NO	74.07	74.83	76.07	76.83	72.07	70.83	70.07	68.83
ACB	24.17	24.17	24.16	YES	24.28	24.42	24.53	24.67	24.03	23.92	23.78	23.67
BID	46.9	46.8	47	NO	47.45	47.8	48.35	48.7	46.55	46	45.65	45.1
BVH	43.35	43.35	43.35	YES	43.55	43.75	43.95	44.15	43.15	42.95	42.75	42.55
CTG	32.18	32.22	32.14	NO	32.27	32.43	32.52	32.68	32.02	31.93	31.77	31.68
GVR	33.37	33.3	33.43	NO	33.63	33.77	34.03	34.17	33.23	32.97	32.83	32.57
FPT	129.53	129.8	129.27	NO	130.07	131.13	131.67	132.73	128.47	127.93	126.87	126.33
GAS	77.17	77.25	77.08	NO	77.33	77.67	77.83	78.17	76.83	76.67	76.33	76.17
HDB	25.18	25.15	25.22	NO	25.32	25.38	25.52	25.58	25.12	24.98	24.92	24.78
HPG	27.87	27.85	27.88	YES	28.13	28.37	28.63	28.87	27.63	27.37	27.13	26.87
MBB	24.22	24.28	24.16	NO	24.33	24.57	24.68	24.92	23.98	23.87	23.63	23.52
MSN	74.2	74.3	74.1	NO	74.7	75.4	75.9	76.6	73.5	73	72.3	71.8
MWG	61.83	61.75	61.92	NO	62.57	63.13	63.87	64.43	61.27	60.53	59.97	59.23
PLX	47.93	48	47.87	NO	48.57	49.33	49.97	50.73	47.17	46.53	45.77	45.13
POW	13.55	13.52	13.58	NO	13.75	13.9	14.1	14.25	13.4	13.2	13.05	12.85
SAB	55.13	55.25	55.02	NO	55.37	55.83	56.07	56.53	54.67	54.43	53.97	53.73
SSB	21.85	21.8	21.9	NO	22.05	22.15	22.35	22.45	21.75	21.55	21.45	21.25
SHB	11.07	11.07	11.06	YES	11.13	11.22	11.28	11.37	10.98	10.92	10.83	10.77
SSI	32.32	32.38	32.26	NO	32.43	32.67	32.78	33.02	32.08	31.97	31.73	31.62
TCB	22.82	22.85	22.78	NO	22.88	23.02	23.08	23.22	22.68	22.62	22.48	22.42
STB	29.1	29.1	29.1	YES	29.4	29.7	30	30.3	28.8	28.5	28.2	27.9
TPB	18.12	18.13	18.11	YES	18.28	18.47	18.63	18.82	17.93	17.77	17.58	17.42
VCB	87.47	87.55	87.38	YES	87.63	87.97	88.13	88.47	87.13	86.97	86.63	86.47
VHM	37.37	37.5	37.23	NO	37.63	38.17	38.43	38.97	36.83	36.57	36.03	35.77
VIB	20.97	21	20.93	NO	21.03	21.17	21.23	21.37	20.83	20.77	20.63	20.57
VJC	106.73	107	106.47	NO	107.37	108.53	109.17	110.33	105.57	104.93	103.77	103.13
VIC	41.32	41.17	41.46	NO	41.88	42.17	42.73	43.02	41.03	40.47	40.18	39.62
VNM	66.9	66.75	67.05	NO	67.9	68.6	69.6	70.3	66.2	65.2	64.5	63.5
VPB	18.47	18.5	18.43	NO	18.53	18.67	18.73	18.87	18.33	18.27	18.13	18.07
VRE	19.15	19.25	19.05	NO	19.35	19.75	19.95	20.35	18.75	18.55	18.15	17.95

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
QCG	7,507,900	907,040	828	6.95
VNM	5,781,800	2,851,860	203	2.13
TNG	4,581,400	2,131,600	215	5.67
DLG	3,133,800	1,272,580	246	-6.63
LDG	3,030,000	1,282,960	236.17	-6.67
DGT	2,918,700	1,440,420	203	-7.53
DTD	2,548,100	1,171,560	218	-4
NHA	2,379,900	1,064,060	223.66	6.99
RDP	1,941,600	682,410	285	-6.61
AAV	1,808,300	504,380	359	4.92
SIP	1,424,700	475,940	299.34	-0.51
LTG	1,413,900	286,880	493	-11.96
DLI	1,004,600	422,740	238	2.08
TEG	985,300	199,640	494	2.37
GEE	933,600	191,440	488	3.86
VGC	910,400	308,370	295.23	-3.99
SBG	696,000	175,800	396	5.43
HIO	633,500	69,580	910	9.93
TDM	500,400	12,980	3,855	-0.1
TNA	351,000	87,110	403	-0.43
TCO	345,600	79,090	436.97	6.62
DC4	302,900	128,910	235	6.8
BDT	284,500	79,310	359	-3.13
NXT	261,800	13,320	1,965	11.27
HAP	225,100	98,210	229	-0.46
PVI	194,800	92,350	210.94	0
ABW	170,800	80,300	213	2.11
GDT	156,300	52,800	296	2.33
LGL	145,200	68,260	213	-1.37
VCR	142,800	10,820	1,320	4.17
VRG	138,200	59,640	232	3.42
BCA	88,400	33,530	264	9.33
ILA	68,700	20,100	342	-8.51
DQC	66,900	15,280	438	-2.78
IFS	63,600	19,110	333	4.62
APF	53,300	10,450	510	-0.82
PCT	51,900	12,010	432	4.55
PLP	46,200	21,900	211	0
DCG	46,200	-	1.#J	-14.29
CDR	46,000	16,590	277	13.95

- Lưu ý: QCG, VNM...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
9-Jul	PC1	Mua	≤ 32.5	10% -20%	Buy Kumo Break out
9-Jul	REE	Mua	≤ 71	10% -20%	Buy Kumo Break out
9-Jul	HCM	Mua	≤ 29	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Với 6 phiên xuất chỉ số không xuất hiện cây nến giảm mạnh sau phiên tiêu cực ngày 23/07/2024 là tín hiệu khá tích cực;
- Việc chỉ tăng mạnh xóa cây nến giảm mạnh ngày 23/07/2024 cũng chưa thể coi là trạng thái tích cực;
- Việc giảm giá xoay vòng có lẽ sẽ khiến thị trường ở trạng thái không giảm điểm quá sâu nhưng danh mục nhà đầu tư luôn ở trạng thái tiêu cực;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 30/07, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.257 VND/USD, tăng tiếp 05 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.285 VND/USD, không thay đổi so với phiên 29/07. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.630 VND/USD và 25.730 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 30/07, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 – 0,25 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần; cụ thể: ON 4,68%; 1W 4,87%; 2W 4,95% và 1M 5,0%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn ON, giao dịch tại: ON 5,30%; 1W 5,35%; 2W 5,40%, 1M 5,44%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm ở kỳ hạn 5Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,91%; 5Y 1,97%; 7Y 2,30%; 10Y 2,80%; 15Y 2,96%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,50%. Có 3.663,42 tỷ đồng trúng thầu, có 13.063,08 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 22.050 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất 4,50%, có 11.200 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 20.249,66 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 80.050 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 42.917,91 tỷ.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

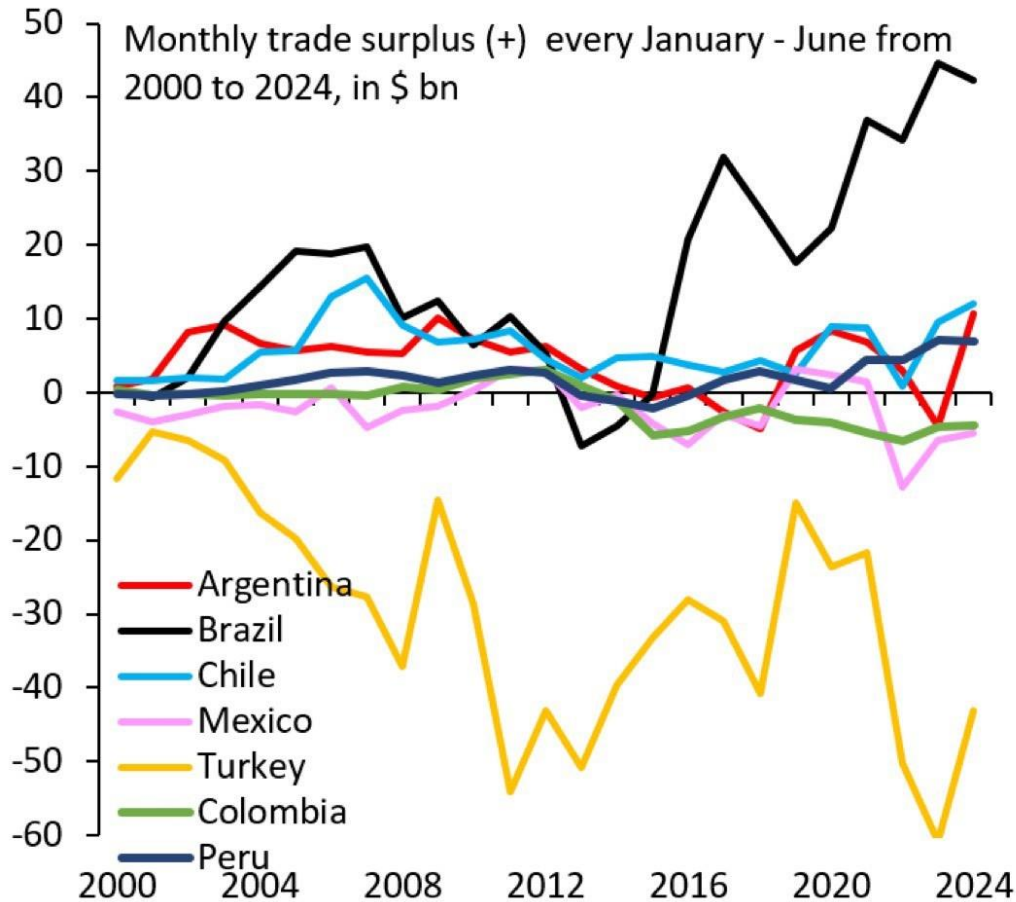
Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

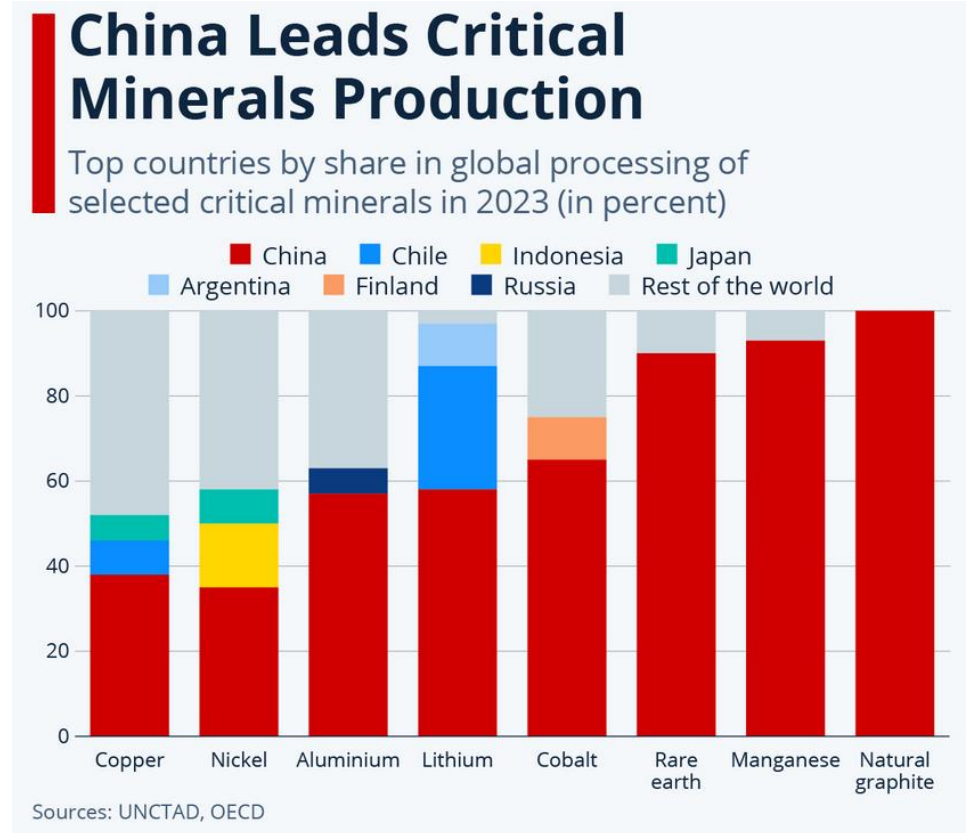
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Thương mại tại các thị trường mới nổi



Trung Quốc dẫn đầu về năng lực sản xuất khoáng sản quan trọng



Nasdaq đang ở kênh hỗ trợ với Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều tăng giá ?



NVIDIA đã quay trở lại lập khoảng trống giá – Cổ phiếu sẽ bật tăng khi chạm hỗ trợ ?



MSFT đang kiểm tra hỗ trợ động MA(200) – Tín hiệu giá đang tiêu cực



Các thống kê cho thấy tháng 8 có thể giao dịch kém khả quan khi tháng 7 xuất hiện một đỉnh cao mới mọi thời đại

#	Month End	SPX Close	SPX FWD 1 Month Return	SPX FWD 2 Month Return	SPX FWD 3 Month Return	SPX FWD 4 Month Return	SPX FWD 5 Month Return	SPX FWD 6 Month Return	SPX FWD 7 Month Return	SPX FWD 8 Month Return	SPX FWD 9 Month Return	SPX FWD 10 Month Return	SPX FWD 11 Month Return	SPX FWD 12 Month Return	SPX Max FWD 12 Month Drawdown %Close	SPX Max FWD 12 Month Drawup	SPX Max FWD 12 Month Drawup %Close	
1	Jul-24	5522.3	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	
2	Jul-21	4395.26	2.90%	-2.00%	4.78%	3.91%	8.44%	2.74%	-0.49%	3.07%	-5.99%	-5.99%	-13.88%	-6.03%	-17.25%	-13.88%	9.63%	8.44%
3	Jul-19	2980.38	-1.81%	-0.12%	1.92%	5.39%	8.40%	8.23%	-0.88%	-13.28%	-2.28%	2.15%	4.02%	9.76%	-26.46%	-13.28%	13.86%	9.76%
4	Jul-17	2470.3	0.05%	1.99%	4.25%	7.18%	8.23%	14.31%	9.86%	6.90%	7.20%	9.51%	10.04%	14.01%	-2.14%	0.05%	16.30%	14.31%
5	Jul-16	2173.6	-0.12%	-0.25%	-2.18%	1.16%	3.00%	4.94%	8.74%	8.70%	9.69%	10.96%	11.49%	13.65%	-4.13%	-2.18%	14.28%	13.65%
6	Jul-13	1685.73	-3.13%	-0.25%	4.20%	7.12%	9.65%	5.75%	10.31%	11.07%	11.76%	14.11%	16.28%	14.53%	-3.46%	-3.13%	16.13%	16.28%
7	Jul-97	954.31	-5.75%	-0.76%	-4.18%	0.11%	1.69%	2.72%	9.99%	15.45%	16.50%	14.30%	18.81%	17.43%	-10.38%	-5.75%	24.76%	18.81%
8	Jul-95	562.06	-0.03%	3.98%	3.46%	7.71%	9.58%	13.16%	13.94%	14.85%	16.39%	19.05%	19.32%	13.86%	-1.60%	-0.03%	21.18%	19.32%
9	Jul-92	424.21	-2.40%	-1.51%	-1.30%	1.68%	2.71%	3.43%	4.52%	6.47%	3.77%	6.12%	6.20%	5.64%	-6.46%	-2.40%	7.67%	6.47%
10	Jul-89	346.08	1.55%	0.89%	-1.65%	-0.03%	2.12%	-4.91%	-1.77%	-4.42%	4.38%	3.45%	2.91%	7.58%	-7.58%	-4.91%	6.85%	4.38%
11	Jul-87	318.66	3.50%	0.99%	-20.98%	-27.73%	-22.46%	-19.33%	-15.95%	-18.76%	-17.99%	-17.73%	-14.17%	-14.64%	-32.07%	-27.73%	6.03%	3.50%
12	Jul-80	121.67	0.58%	3.11%	4.77%	15.49%	11.58%	6.48%	7.89%	11.78%	9.16%	8.98%	7.84%	7.60%	-1.85%	0.58%	16.68%	15.49%
13	Jul-67	94.75	-1.17%	2.07%	-1.53%	-0.79%	1.82%	-2.65%	-5.69%	-4.80%	2.86%	4.15%	5.10%	3.16%	-8.46%	-5.69%	9.41%	5.10%
14	Jul-64	83.18	-1.62%	1.20%	2.02%	1.49%	1.89%	5.27%	5.11%	3.58%	7.13%	6.30%	11.31%	2.49%	-2.95%	-1.62%	9.02%	7.13%
15	Jul-59	60.51	-1.50%	-6.00%	-4.94%	-3.69%	-1.02%	-8.10%	-7.25%	-8.54%	-10.15%	-7.73%	-5.93%	-8.26%	-11.63%	-10.15%	0.33%	-1.02%
16	Jul-56	49.29	-3.81%	-8.18%	-7.71%	-8.73%	-5.51%	-9.46%	-12.41%	-10.69%	-7.39%	-3.97%	-4.09%	-3.00%	-14.17%	-12.41%	0.53%	-3.00%
17	Jul-55	43.52	-0.78%	0.34%	-2.71%	4.57%	4.50%	0.69%	4.18%	11.40%	11.17%	3.86%	7.93%	13.49%	-6.25%	-2.71%	13.69%	13.49%
18	Jul-54	30.88	-3.40%	4.63%	2.59%	10.88%	16.52%	18.62%	19.04%	18.46%	22.93%	22.77%	32.87%	40.93%	-3.40%	-3.40%	41.71%	40.93%
19	Jul-52	25.4	-1.46%	-3.39%	-3.46%	1.02%	4.61%	3.86%	1.97%	-0.43%	-3.07%	-3.39%	-4.96%	-2.56%	-7.32%	-4.96%	4.96%	4.61%
Average:			-1.02%	-0.18%	-1.26%	1.49%	3.65%	2.54%	2.71%	2.97%	3.74%	4.88%	5.64%	6.94%	-9.31%	-6.31%	13.06%	10.98%
Median:			-1.31%	0.11%	-1.42%	1.59%	3.75%	3.65%	4.35%	5.03%	5.45%	5.25%	5.65%	6.62%	-6.89%	-4.16%	11.66%	9.10%
Min:			-5.75%	-8.18%	-20.98%	-27.73%	-22.46%	-19.33%	-15.95%	-18.76%	-17.99%	-17.73%	-14.17%	-14.64%	-32.07%	-27.73%	0.33%	-3.00%
Max:			3.50%	4.63%	4.78%	15.49%	16.52%	18.62%	19.04%	18.46%	22.93%	22.77%	32.87%	40.93%	-1.60%	0.58%	41.71%	40.93%
% Higher:			27.78%	50.00%	44.44%	83.33%	72.22%	83.33%	61.11%	61.11%	72.22%	72.22%	72.22%	72.22%	0.00%	11.11%	100.00%	88.89%

Kết luận: Dự báo các chỉ số chứng khoán chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

